

Gia Lâm, ngày 30 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CNHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q (tên viết tắt là Q).

Trụ sở: Tầng X, tòa nhà S, phường B, quận Y, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C – Chức vụ: Giám đốc Thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ - Trung tâm QLNNHBL-Q (theo Giấy ủy quyền số 49313.21 ngày 09/7/2021). Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thành Côn: Ông Vũ Tiến Bình, ông Lê Xuân Hoàng Dương, bà Vũ Thị Oanh Kiều. Theo Giấy ủy quyền số 007708.22 ngày 10/02/2022

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1972 và bà Trần Thị N, sinh năm 1975; Cùng trú tại: Số Z phố H, thị trấn Y, huyện G, thành phố H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Hương G, sinh ngày 24/5/2004; Chị Nguyễn Hương L, sinh ngày 29/6/2007. Người đại diện hợp

pháp của chị L là ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng tín dụng (Cho vay tiêu dùng) số 207878420; Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 27/4/2020, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 876314420 ngày 27/3/2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số Cchứng 01266.20 quyền số 03 ngày 26/3/2020 tại Văn phòng công chứng Vạn Xuân và các văn bản kèm theo ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị N là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

2.2. Cách tính lãi trong hạn và lãi quá hạn được quy định trong Hợp đồng tín dụng (Cho vay tiêu dùng) số 207878420 ngày 27/3/2020, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 876314420 ngày 27/3/2020 so với Biểu lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q, cách tính lãi và phí của Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 27/4/2020 (gọi tắt là thẻ tín dụng) so với Biểu phí của Ngân hàng thương mại cổ phần Q là đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 27/4/2020 là phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết.

2.3. Các bên xác nhận tạm tính đến hết ngày 17 tháng 8 năm 2022, ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền là: 1.133.561.854 đồng, trong đó:

HĐTD/Thẻ TD	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Phí	Tổng
Hợp đồng tín dụng	755.461.828	50.319.083	152.329.439		958.110.350
Thẻ TD	41.103.737			134.347.767	175.451.504
Tổng	796.565.565	50.319.083	152.329.439	134.347.767	1.133.561.854

Đơn vị tính: Việt Nam đồng.

2.4. Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị N phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 17 tháng 8 năm 2022, ông Đ và bà N còn nợ Ngân hàng Q tổng số tiền là: 1.133.561.854 đồng, cụ thể như sau:

HĐTD/Thẻ TD	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Phí	Tổng cộng
-------------	--------	------------------	----------------	-----	-----------

Hợp đồng tín dụng	755.461.828	50.319.083	152.329.439		958.110.350
Thẻ TD	41.103.737			134.347.767	175.451.504
Tổng cộng	796.565.565	50.319.083	152.329.439	134.347.767	1.133.561.854

Đơn vị: Việt Nam đồng.

Ông Đ và bà N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản nợ nêu trên làm 05 đợt.

- Đợt 1: Chậm nhất là ngày 15/9/2022, ông Đ và bà N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 20.000.000 đồng;

- Đợt 2: Chậm nhất là ngày 15/10/2022, ông Đ và bà N tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 20.000.000 đồng;

- Đợt 3: Chậm nhất là ngày 15/11/2022, ông Đ và bà N tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 20.000.000 đồng;

- Đợt 4: Chậm nhất là ngày 15/12/2022, ông Đ và bà N tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 20.000.000 đồng;

- Đợt 5: Chậm nhất là ngày 15/01/2023, ông Đ và bà N thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và phí còn lại của toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Số tiền ông Đ và bà N thanh toán được ưu tiên trừ vào nợ gốc trước, nợ lãi sau.

Địa điểm thanh toán: Tại bất cứ phòng giao dịch/chi nhánh nào của Ngân hàng TMCP Q.

Hình thức thanh toán: Bằng việc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào số tài khoản ghi nợ theo các Hợp đồng nêu trên tại Ngân hàng TMCP Q.

2.5. Kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q, ông Đ và bà N còn phải chịu khoản lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn và phí mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2078784.20 ngày 27/3/2020; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8763144.20 ngày 27/3/2020; Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc kế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 27/4/2020. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 2078784.20 ngày 27/3/2020; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8763144.20 ngày 27/3/2020; Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc kế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 27/4/2020 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất ngân hàng cho vay.

2.6. Trường hợp ông Đ và bà N thanh toán hết các khoản nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất thế chấp cho ông Đ và bà N và làm thủ tục giải chấp ngay.

2.7. Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Đ và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thời hạn và số tiền trả nợ của bất kỳ đợt trả nợ nào, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 53(1) tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Tổ Y, thị trấn Y, huyện G, thành phố H theo GCNQSDĐ số BM908799, số vào sổ cấp GCN: CH 07011/451/QĐ-UBND do UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/3/2013 cho ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị N và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho Q. Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị N đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho Q theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số Cchứng 01266.20 quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/3/2020 tại văn phòng công chứng chứng Vạn Xuân đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ phải di chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì ông Đ và bà N có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền ông Đ và bà N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho ông Đ và bà N.

2.8. Về án phí sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị N tự nguyện chịu 23.003.400 (Hai mươi ba triệu không trăm linh ba nghìn bốn trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 19.208.000 (Mười chín triệu hai trăm linh tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0072971 ngày 08/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Ngân